



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Phân tích ứng dụng**
Laboratory: Center for Applied Analyses

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**
Organization: Institute of Material Science - Vietnam Academy of Science and Technology

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: Chemical

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Nguyễn Trung Huy**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1435**

Hiệu lực công nhận/ *period of validation:* **Từ ngày /10/2025 đến ngày 07/03/2030.**

Địa chỉ / *Address:* **Số 18 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội**
No. 18 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city

Địa điểm / *Location:* **Nhà A13, 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.**
Building A13 , No. 18 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city

Điện thoại/ *Tel:* **098 381 7214** Fax:

E-mail: **phantichmau@ims.vast.vn** Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1435

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng(nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Dung dịch nano phân tán <i>Dispersed nano particle solution</i>	Xác định kích thước hạt nano phân tán trong dung dịch <i>Determination of the size of nanoparticle dispersed in solution</i>	0.3 nm ~ 10 µm	ISO 22412:2017
2.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng nano bạc Phương pháp F-AAS <i>Determination of silver nanoparticle content F-AAS method</i>	10 mg/L	TCVN 13712:2023
3.	Phân bón <i>Fertilizers</i>	Xác định hàm lượng Kẽm tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Zinc content F-AAS method</i>	10 mg/kg	TCVN 9289:2012
4.		Xác định hàm lượng Đồng tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Copper content F-AAS method</i>	10 mg/kg	TCVN 9286:2018
5.		Xác định hàm lượng molipden và Sắt tổng Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Molipdenum and Iron content F-AAS method</i>	10 mg/kg	TCVN 9283:2018
6.		Xác định hàm lượng Mangan tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Manganese content F-AAS method</i>	15 mg/kg	TCVN 9288:2012
7.		Xác định hàm lượng Cadimi tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Cadmium content F-AAS method</i>	0.5 mg/kg	TCVN 9291:2018
8.		Xác định độ ẩm Phương pháp sấy ở 105°C <i>Determination of moisture Dry at 105°C</i>		TCVN 9297: 2012

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1435

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng(nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
9.	Vật liệu giảm điện trở đất <i>Grounding Enhancing Materia</i>	Xác định điện trở phân cực của vật liệu giảm điện trở đất GEM <i>Determination of polarization resistance of GEM</i>	-	IEC 62561-7:2024

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Standard*
- ISO: *International Organization for Standardizaion*
- IEC: *International Electronic Committee*



Trường hợp Viện Khoa học vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Khoa học vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Institute of Material Science - Vietnam Academy of Science and Technology that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*